

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Trọng Toàn.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lý L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày 27-8-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên Chị Th yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Thời gian chung sống Chị Th và anh L có con chung tên Lý Thị Minh Th, sinh ngày 31-8-2010. Cháu Th hiện đang sống cùng với Chị Th. Sau khi ly hôn Chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lý L:

Anh L đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại Công văn số: 18/UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, mâu thuẫn gia đình giữa Chị Th, anh L như sau:

Anh L, Chị Th được gia đình tổ chức hôn lễ, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận vào năm 2010. Sau khi kết hôn anh, chị không sinh sống tại địa phương, không thường xuyên về địa phương nên không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh, chị.

- Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 09-5-2022, cháu Lý Thị Minh Th trình bày:

Cháu Th hiện đang sống cùng với Chị Th. Trường hợp cha, mẹ không còn chung sống với nhau (ly hôn) Cháu Th có nguyện vọng được sống cùng với Chị Th.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các

phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Th, cụ thể: Chị Th được ly hôn với anh L; Giao con chung tên Lý Thị Minh Th (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2010 cho Chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lý Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lý L. Anh L cư trú tại Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Th và anh L đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 71, quyển số I/2010, ngày 27-8-2010. Tại thời điểm kết hôn Chị Th, anh L đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận.

[4] Chị Th yêu cầu ly hôn với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Th, anh L là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp

đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng khi phát sinh mâu thuẫn anh, chị không hàn gắn tình cảm, không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh, chị tham gia phiên hòa giải nhưng anh L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Th, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, Chị Th yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh số: 348/TLKS-BS ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Th, anh L có con chung tên Lý Thị Minh Th (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2010. Sau khi ly hôn, Chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh L không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử xét thấy, Cháu Th đang sống và có nguyện vọng được sống với Chị Th, để đảm bảo cuộc sống của Cháu Th không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của Cháu Th, giao Cháu Th cho Chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Như vậy, yêu cầu về con chung của Chị Th là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị Th. Đồng thời, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này, anh L là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th được ly hôn với anh Lý L.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Thị Minh Th (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2010 cho chị Lý Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lý L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lý Thị Th không yêu cầu anh Lý L phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lý Thị Th thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt